

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 70/2026/DS-ST

Ngày: 12 – 02 – 2026

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Nguyễn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Hoàng Vinh**;
Bà **Lê Thị Thuý Vân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hoài Thanh** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Tiểu Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 719/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Bá N**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số B, hẻm E, đường T, khu phố L, phường L, tỉnh Tây Ninh, số CCCD: 072080006891, cấp ngày 24/4/2021.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1971; địa chỉ: khu phố G, phường T, tỉnh Tây Ninh (theo hợp đồng uỷ quyền ngày 20/10/2025), có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà **Đặng Thị Trúc L**, sinh năm 1983; địa chỉ: số C, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh; số CCCD: 072183003016, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 16/3/2020, vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Thùy T**, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: ấp B, xã C, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay:

Số B, hẻm E, đường T, khu phố L, phường L, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Võ Văn S trình bày:

Do có người quen giới thiệu nên ông Trần Bá N quen biết bà Đặng Thị Trúc L, trong thời gian từ ngày 17/11/2021 đến ngày 17/02/2022, ông N đã cho bà L mượn tổng cộng số tiền là 562.000.000 (Năm trăm sáu mươi hai triệu) đồng, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 17/11/2021, tại phòng công chứng Nguyễn Gia T1, ông N và bà L đã làm hợp đồng vay tài sản, số công chứng 5812, quyền số 9/2021 TP/CC-SCC/HĐGD, theo đó bà L vay của ông N 450.000.000 đồng; mục đích vay để kinh doanh, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 17/11/2021 đến ngày 17/5/2022. Lãi suất thỏa thuận theo quy định pháp luật tại thời điểm vay.

+ Lần 2: Ngày 02/01/2022, bà L mượn thêm của vợ chồng ông N số tiền 50.000.000 đồng, khi vay thêm số tiền này bà L có viết giấy nợ và ký tên vào mặt sau của hợp đồng vay.

+ Lần 3: Ngày 17/2/2022, bà L mượn thêm của vợ chồng ông N số tiền 62.000.000 đồng, khi vay thêm số tiền này bà L cũng viết giấy nợ và ký tên vào mặt sau của hợp đồng vay.

Tuy nhiên khi đến hạn 17/5/2022 ông N cũng đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L luôn hứa hẹn và tìm cách tránh mặt nên từ đó đến nay bà L chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông N.

Trong đơn khởi kiện ông N yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh giải quyết buộc bà Đặng Thị Trúc L trả cho ông N số tiền gốc là 562.000.000 đồng và tiền lãi suất theo mức quy định 20%/ năm tính từ ngày 17/5/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Bá N có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi suất.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho ông N, bà T số tiền nợ gốc là 562.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn, bà Đặng Thị Trúc L: Bà L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa để giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thùy T trình

bày tại bản tự khai ngày 25/11/2025:

Trước đây chồng bà là ông Trần Bá N có cho bà Đặng Thị Trúc L vay số tiền là 562.000.000 (Năm trăm sáu mươi hai triệu) đồng.

Hiện nay ông N đã khởi kiện bà Đặng Thị Trúc L số tiền nợ gốc là 562.000.000 đồng.

Bà T đồng ý với ý kiến của ông N, yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Đặng Thị Trúc L có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng bà số tiền nợ là 562.000.000 (Năm trăm sáu mươi hai triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đặng Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho ông Trần Bá N và bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền nợ gốc là 562.000.000 đồng, ghi nhận ông N không yêu cầu tính lãi.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Võ Văn S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Đặng Thị Trúc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà T và bà L.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Bá N khởi kiện đối với bà Đặng Thị Trúc L yêu cầu trả số tiền là 562.000.000 đồng. Bà L cư trú tại số C, khu phố L, phường H, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá N:

Ông N yêu cầu bà L trả số tiền 562.000.000 đồng, cung cấp chứng cứ chứng minh là hợp đồng vay tài sản ngày 17/11/2021, tại Văn phòng C, sổ công

chứng 5812, quyền số 9/2021 TP/CC-SCC/HĐGD (bút lục số 34, 35, 36) và trang mặt sau của hợp đồng vay tài sản (bút lục số 34).

Bị đơn bà Đặng Thị Trúc L đã được Toà án tổng đạt Thông báo thụ lý, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ và bản tự khai trình bày ý kiến của bà L đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, tuy nhiên bà L không thực hiện, không phản hồi ý kiến của bà L đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, vì vậy xem như bà L đã từ bỏ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

Xét thấy, nội dung hợp đồng vay tài sản ngày 17/11/2021, thể hiện bà L có vay tiền của ông N số tiền 450.000.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng. Ngoài ra, trang mặt sau của hợp đồng vay tài sản bà L có vay thêm của vợ chồng ông N 02 lần với số tiền là 112.000.000 đồng. Tổng số tiền bà L vay của vợ chồng ông N là 562.000.000 đồng, đến nay bà L vẫn chưa trả nợ cho vợ chồng ông N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 bộ luật Dân sự. Do đó, ông N, bà T yêu cầu bà L trả số tiền 562.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông N, bà T không phải chịu tiền án phí.

Do yêu cầu khởi kiện của ông N, bà T được chấp nhận, theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình, các Điều 26, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá N đối với bà Đặng Thị Trúc L về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Đặng Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho ông Trần Bá N, bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 562.000.000 (năm trăm sáu mươi hai triệu) đồng, ghi nhận ông N không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Trúc L phải chịu 26.480.000 đồng (hai mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Bá N không phải chịu tiền án phí, hoàn trả lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí 13.240.000 (mười ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số: 0007496 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV10;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lâm Thị Nguyệt